TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUẦN GIÁO** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2017/HSST
Ngày: 06/12/2017.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO - TỈNH ĐIỆN BIÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Lương Thị Nga.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Đình Tuyên và ông Lò Văn Pọm;

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Phương Thảo, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Mạnh, Kiểm sát viên.

Vào hồi 07 giờ 30 phút ngày 06 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 12/2017/HSST ngày 31 tháng 10 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên**: Cà Thị L**; tên gọi khác: Không; sinh năm: 1972; nơi sinh: Xã N, huyện T, tỉnh Điện Biên.

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Bản P, xã N, huyện T, tỉnh Điện Biên.

Dân tộc: Thái; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Nông Nghiệp; trình độ văn hoá: Không biết chữ.

Con ông: Cà Văn N (đã chết) và con bà: Cà Thị N, sinh năm 1937.

Bị cáo có chồng là Lò Văn D; sinh năm 1970 (đã chết) và có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 1994; con nhỏ nhất sinh năm 2006.

Tiền sự: Không; tiền án: 01 tiền án về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/8/2017 đến ngày 06/8/2017; bị cáo bị tạm giam từ ngày 06/8/2017 đến nay và được trích xuất áp giải có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên**: Nùng Văn D**; tên gọi khác: Không; sinh năm: 1985; nơi sinh: Xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên.

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Bản N, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên.

Dân tộc: Thái; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Nông Nghiệp; trình độ văn hoá: Lớp 11/12.

Con ông: Nùng Văn D (Nùng Văn D), sinh năm 1954 và con bà: Sìn Thị P, sinh năm 1956.

Bị cáo có vợ là Lò Thị K; sinh năm 1986 và có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 2005, con nhỏ nhất sinh năm 2010.

Tiền sự: Không; tiền án: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/8/2017 đến ngày 06/8/2017 và bị tạm giam từ ngày 06/8/2017 cho đến nay. Bị cáo được trích xuất áp giải và có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên**: Quàng Văn C**; tên gọi khác: Không; sinh năm: 1997; nơi sinh: Xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên.

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Bản N, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên.

Dân tộc: Thái; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Nông Nghiệp; trình độ văn hoá: Không biết chữ.

Con ông: Quàng Văn S, sinh năm 1962 và con bà: Nùng Thị T, sinh năm 1966.

Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền sự: Không; tiền án: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/8/2017 đến ngày 06/8/2017 và bị tạm giam từ ngày 06/8/2017 cho đến nay. Bị cáo được trích xuất áp giải và có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên**: Lò Văn T**; tên gọi khác: Không; sinh năm: 1973; nơi sinh: Xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên.

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Bản N, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên.

Dân tộc: Thái; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Nông Nghiệp; trình độ văn hoá: Lớp 3/12.

Con ông: Lò Văn K (đã chết) và con bà: Lò Thị T; sinh năm 1945.

Bị cáo có vợ là Lò Thị P; sinh năm 1982 và có 06 người con; con lớn nhất sinh năm 1992, con nhỏ nhất sinh năm 2005.

Tiền sự: Không; tiền án: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 07/8/2017 cho đến nay. Bị cáo được trích xuất áp giải và có mặt tại phiên tòa.

* Người bào chữa cho bị cáo Nùng Văn D có: **Ông Nguyễn Quang K** - Luật sư Cộng tác viên trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà Nước tỉnh Điện Biên, có mặt.

* Người bào chữa cho bị cáo Lò Văn T có: **Ông Lê Đình T** - Luật sư Cộng tác viên trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà Nước tỉnh Điện Biên, có mặt.

* Người bào chữa cho bị cáo Quàng Văn C có: **Bà Trần Thị S**; trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà Nước tỉnh Điện Biên, có mặt.

*** Người có nghĩa vụ liên quan:**

1. Họ và tên: **Đoàn Văn C1**; sinh năm: 1968; trú tại: Bản N, xã N, huyện T, tỉnh Điện Biên, vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Các bị cáo Nùng Văn D, Quàng Văn C, Lò Văn T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo truy tố về hành vi phạm tội như sau: Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 03/8/2017, Quàng Văn C, trú tại bản N, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên; đến nhà D để gặp D rủ cùng đi mua ma túy sử dụng. Khi gặp D, C hỏi "Anh có xe không, thì anh em mình đi chơi tí, em có một trăm?", khi nghe C hỏi thì D đồng ý cùng C đi mua ma túy để sử dụng nhưng D nói với C xe thì D không có. Sau khi biết D không có xe máy, thì C bảo D để C đi tìm xe. Nói xong, thì C đi về nhà C mượn xe máy của chị dâu tên là Lò Thị G. Còn D, cũng đi ra khỏi nhà theo hướng Mường Mùn. D đi ra khỏi nhà được khoảng 200m thì gặp C đi xe máy Wave màu đen đến. Khi gặp D, C dừng xe lại cho D ngồi lên xe để C chở đi. Trên đường đi D nói với C, D có 500.000đ. Khi trao đổi, hai người đã thống nhất đi đến xã N, huyện, tỉnh Điện Biên. Khi đến bản P, xã N thì thấy có Lò Văn T; sinh năm 1973; trú cùng bản đang đứng trước nhà Cà Thị L ở cạnh đường đi Tủa Chùa. Nhìn thấy T thì D bảo C dừng xe lại để gặp T. Khi gặp T, D hỏi T "Ở đây có Hêrôin bán không?"; T nói "Nhà Cà Thị L có Hêrôin bán nhưng L đang đi đâu không biết". D, C và T cùng đi vào nhà Cà Thị L. Khi vào nhà L thì thấy Đoàn Văn C; sinh năm 1968; trú tại bản H, xã M, huyện T đang ngồi ở bàn uống nước nhà L. Sau khi nghe T nói nhà L có Hêrôin bán thì D hỏi C "Mày mua bao nhiêu tiền?", C không nói gì mà rút ra 100.000đ đưa cho D. D nhận tiền của C đưa cất vào túi quần đang mặc. Sau khi, nhận tiền của C khoảng mấy phút sau thì L về nhà. Khi L đến gần chỗ D, C và T đứng thì D rút ra một tờ mệnh giá 500.000đ và nói với L bán cho D hai trăm nghìn đồng Hêrôin. L cầm tờ tiền của D đưa rồi nói, L chỉ có một trăm nghìn tiền lẻ để trả lại nên L bảo D mua hết bốn trăm nghìn. Sau khi L nói mua hết bốn trăm nghìn D chưa trả lời L có mua hết hay không thì T nói với D "Chỗ tiền thừa cho anh vay một trăm nghìn đồng để cùng mua Hêrôin". D đồng ý cho T vay tiền để cùng góp vào mua Hêrôin cùng sử dụng. L nói "Bây giờ không có tiền lẻ chúng mày mua hết bốn trăm nghìn đi", D đồng ý và L trả lại cho D 100.000đ và đi vào phía bếp nhà L. D và C ra ngồi ở bàn uống nước cùng C1, còn T đi theo L vào bếp, khoảng 5 phút sau thì L quay lại. L đưa cho D hai gói Hêrôin được gói bằng túi nilon màu hồng. D nhận gói Hêrôin do L đưa quay vào được vài bước chân thì có Tổ công tác Công an huyện Tuần Giáo đến kiểm tra. Do bị bất ngờ nên D ném hai gói Hêrôin xuống nền nhà L. Trong khi D và C bị giữ lại thì T nhanh chóng bỏ chạy khỏi nhà L. Tổ công tác tiến hành thu vật chứng và dẫn giải L, Nùng Văn D, Quàng Văn C về cơ quan điều tra làm rõ.

Tại Cơ quan điều tra Cà Thị L cũng thừa nhận hành vi của mình như sau: Vào khoảng 10 giờ ngày 31/7/2017, L đang ở nhà thì có Lò Thị M; sinh năm 1965; trú tại Đội 5, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên đến nhà gặp Cà Thị L. Khi gặp L, M nói cho L biết M có mang theo một ít Hêrôin và đưa một gói nilon màu trắng cho L

xem. Khi nhìn thấy gói Hêrôin do M đưa ra, L hỏi M "Gói Hêrôin đó bán bao nhiêu tiền?". M nói với L "Gói Hêrôin đó bán năm trăm nghìn đồng". Sau khi, trao đổi xong L đồng ý mua. L đưa cho M năm trăm nghìn đồng theo thỏa thuận; M nhận tiền và đưa cho L gói Hêrôin rồi M đi ra khỏi nhà. Sau khi nhận gói Hêrôin, L mở ra xem rồi lấy mảnh nilon màu hồng gói lại và cất giấu vào túi vải đeo trên người. Đến khoảng 10 giờ ngày 03/8/2017 có Đoàn Văn C1; sinh năm 1968; trú tại bản H, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên đến nhà L gặp và hỏi mua Hêrôin. Sau khi đồng ý bán Hêrôin cho C, L đi vào bếp nhà lấy gói Hêrôin giấy trong túi vải bẻ một mẩu nhỏ đem ra bán cho C với giá 50.000đ. Bán xong cho C thì L đi ra khỏi nhà để xem ruộng, còn C có sử dụng Hêrôin tại nhà L hay không thì không biết. Tại phiên tòa, lời khai của C, D và T về quá trình trao đổi mua bán với L; L thừa nhận là đúng. Khi bị phát hiện L đã được đưa về cơ quan để điều tra làm rõ.

Tại Cơ quan điều tra, 02 gói chất bột màu trắng nghi Hêrôin thu giữ được xác định trọng lượng 0,41 gam. Cơ quan điều tra đã trích mẫu giám định, ra Quyết định trưng cầu giám định số: 126/QĐTCGĐ, ngày 11/8/2017 và ra Quyết định trưng cầu giám định số: 127/QĐTCGĐ, ngày 11/8/2017. Tại bản Kết luận giám định số: 711/GĐ-PC54 ngày 01/9/2017 và Kết luận giám định số: 712/GĐ-PC54 ngày 01/9/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên đã kết luận: Vật chứng thu giữ của Cà Thị L là chất ma túy: loại Heroin.

Tại bản Cáo trạng số: 98/QĐ-VKS-HS ngày 30/10/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo đã truy tố bị cáo Cà Thị L về tội: Mua bán trái phép chất ma túy theo điểm b khoản 2 Điều 194 BLHS năm 1999. Truy tố bị cáo Nùng Văn D, Quàng Văn C và Lò Văn T về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy theo khoản 1 Điều 194 BLHS năm 1999. Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999, xử phạt bị cáo Cà Thị L từ 08 năm đến 08 năm 6 tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/8/2017.

- Áp dụng khoản 1 Điều 194; Điều 20; Điều 53; điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999; khoản 3 Điều 7 BLHS năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội và Công văn số 276/TANDTC-PC ngày 13/9/2016 để áp dụng tình tiết có lợi cho bị cáo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS năm 2015 để xử phạt bị cáo Nùng Văn D từ 18 tháng đến 24 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 194; Điều 20; Điều 53; điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS BLHS năm 1999; khoản 3 Điều 7 BLHS năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội và Công văn số 276/TANDTC-PC ngày 13/9/2016 để áp dụng tình tiết có lợi cho bị cáo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS năm 2015 để xử phạt bị cáo Quàng Văn C từ 18 tháng đến 24 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 194; Điều 20; Điều 53; điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS BLHS năm 1999; khoản 3 Điều 7 BLHS năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội và Công văn số 276/TANDTC-PC ngày 13/9/2016 để áp dụng tình tiết có lợi cho bị cáo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS năm 2015 để xử phạt bị cáo Lò Văn T từ 15 tháng đến 18 tháng tù.

- Áp dụng khoản 5 Điều 194 BLHS năm 1999 không phạt bổ sung đối với các bị cáo vì điều kiện hoàn cảnh khó khăn.

- Áp dụng Điều 41 BLHS, Điều 76 BLTTHS tuyên hủy 01 gói niêm phong màu trắng các mép đều được dán kín có trọng lượng: 0,3 gam chất bột màu trắng Hêrôin và 01 túi vải đen cũ đã qua sử dụng.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 400.000đ là tiền bị cáo Cà Thị L đã bán ma túy cho D là 200.000đ; bán cho C là 100.000đ; bán cho T là 100.000đ; vì đây là số tiền do phạm tội mà có.

- Trả lại 01 điện thoại di động hiệu Zip Mobile số IMEL1: 842016181614015; IMEL2: 8420161816023 đã qua sử dụng và 150.000đ cho bị cáo Cà Thị L vì không liên quan đến hành vi phạm tội. Trả lại cho Nùng Văn D 200.000đ vì không liên quan đến hành vi phạm tội.

- Áp dụng Điều 99 BLTTHS; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, các bị cáo được miễn án phí HSST.

Người bào chữa cho bị cáo Quàng Văn C đưa ra luận cứ bào chữa và đề nghị: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo là người dân tộc thiểu số, không được đi học như những người đồng trang lứa, với trọng lượng ma túy thu giữ 0,41 gam là nhỏ so với trọng lượng ma túy quy định tại khoản 1 Điều 194 BLHS. Nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999 và Nghị quyết 41 của Quốc hội ngày 20/6/2017 và Công văn 276 của Tòa án nhân dân Tối cao để áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS năm 2015, tuyên mức hình phạt mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo Quàng Văn C, không phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo vì hoàn cảnh kinh tế khó khăn; miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Lò Văn T đưa ra luận cứ bào chữa và đề nghị: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo chưa có tiền án tiền sự, vai trò của T trong vụ án này không tích cực. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS 2015; điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999; Nghị Quyết 41 của Quốc hội; Công văn 276 của Tòa án nhân dân Tối Cao cho bị cáo được hưởng mức án 12 tháng tù. Không phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Nùng Văn D đưa ra luận cứ bào chữa và đề nghị: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có bố đẻ là người có công với cách mạng. Nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS, tuyên mức hình phạt nhẹ nhất đối với bị cáo Nùng Văn D, không phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo vì hoàn cảnh kinh tế khó khăn; miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo, người bào chữa cho bị cáo.

XÉT THẤY:

Ngày 03/8/2017 Cà Thị L đã thừa nhận có Đoàn Văn C1 đã đến nhà L mua Hêrôin của L 01 gói nhỏ với giá 50.000đ. Sau khi bán được cho C1 thì L đi ra ngoài còn C1 sử dụng ma túy luôn tại nhà của L; L chưa nhận tiền đã bán ma túy cho C1. Khi L bỏ ra ngoài một lúc khi quay về thì có ba người đang ở trong nhà L đó là Quàng Văn C, Nùng Văn D và Lò Văn T vào hỏi mua ma túy. Các bị cáo D, C và T đã góp tiền mua 02 gói nhỏ Hêrôin của L với giá là 400.000đ. Việc trao đổi mua bán Hêrôin diễn ra trong nhà của bị cáo Cà Thị L. Số Ma túy của L bán do L mua của Lò Thị M với giá 500.000đ. Khi các bị cáo D, C và T đang định sử dụng thì có tổ công tác phát hiện bắt quả tang thu giữ 02 gói nhỏ Hêrôin có trọng lượng là 0,41 gam. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo L, D, C và T khai và thừa nhận toàn bộ hành vi của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt giữ người có hành vi phạm tội quả tang; biên bản niêm phong vật chứng và xác định trọng lượng vật chứng; bản kết luận giám định cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Hành vi mua ma túy nhằm mục đích tàng trữ để sử dụng cho bản thân của các bị cáo Nùng Văn D, Quàng Văn C và Lò Văn T đã phạm tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy. Trong vụ án này các bị cáo đã có hành vi tàng trữ 0,41 gam Hêrôin và tại phiên tòa Vị đại diện Viện kiểm sát, của những người bào chữa cho các bị cáo. Hội đồng xét xử xét, hành vi phạm tội của các bị cáo xảy ra trước khi Bộ luật hình sự năm 2015 có hiệu lực; tuy nhiên tại Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội và Công và Công văn số: 276/TANDTC-PC ngày 13/9/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định có lợi cho người phạm tội theo Bộ luật hình sự năm 2015. Bởi vậy, cần áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS 2015 để áp dụng theo hướng có lợi cho các bị cáo Nùng Văn D, Quàng Văn C và Lò Văn T. Từ hành vi của các bị cáo, vị Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát đưa ra đề nghị về tội danh cũng như điều khoản áp dụng dụng đối với các bị cáo Hội đồng xét xử xét thấy là hoàn toàn chính xác.

Hành vi bán ma túy cho bị cáo Cà Thị L của đã phạm tội: Mua bán trái phép chất ma túy. Trong vụ án này, bị cáo L đã có hành vi bán ma túy cho Đoàn Văn C1 và các bị cáo D, C, Tg. Bởi vậy, VKSND huyện Tuần Giáo truy tố bị cáo Cà Thị L theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 BLHS năm 1999 là chính xác.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm sự độc quyền về quản lý chất ma túy của Nhà nước, gây mất trật tự an toàn xã hội. Hành vi của bị cáo là một phần nguyên nhân gây nên tệ nạn nghiện ma túy, tệ nạn đang gây nhức nhối trong toàn xã hội. Tệ nạn ma túy không những gây khó khăn về kinh tế, còn hủy hoại về sức khỏe, tính mạng con người. Vì vậy cần thiết phải xử lý nghiêm minh đối với hành vi phạm tội của các bị cáo.

Xét tình tiết tăng nặng giảm nhẹ và nhân thân đối với bị cáo Cà Thị L thấy: Bị cáo sinh ra và lớn lên tại xã N, huyện T, tỉnh Điện Biên. Bị cáo từ nhỏ không được đi học, ở nhà lao động sản xuất cùng gia đình. Năm 1993 xây dựng gia đình với anh Lò Văn S đến năm 2000 anh S chết. Năm 2003 kết hôn với anh Lò Văn D. Đến ngày 17/12/2013 bị Công an huyện Tuần Giáo bắt giữ và bị Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo xử phạt 36 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Ngày 17/7/2016 bị cáo chấp hành xong hình phạt trở về địa phương sinh sống. Ngày 03/8/2017 bị cáo lại tiếp tục có hành vi mua bán trái phép chất ma túy và bị khởi tố. Bị cáo chưa được xóa án tích nên bị cáo có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS. Sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS. Bị cáo là người mẹ, lẽ ra bị cáo phải tu dưỡng, rèn luyện bản thân, chịu thương chịu khó, bằng sức lao động của mình để có thu nhập lương thiện nuôi dạy con cái. Hơn nữa, bị cáo đã một lần có hành vi vi phạm pháp luật đã nhận được sự cải tạo, giáo dục của Nhà nước nhưng không lấy đó làm bài học thay đổi bản thân mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Qua hành vi của bị cáo có thể thấy sự ngoan cố, coi thường kỷ cương pháp luật cố tình thực hiện hành vi vi phạm pháp luật. Bị cáo là người có nhân thân xấu; bởi vậy, cần có mức hình phạt nghiêm khắc để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người tốt, có ích cho gia đình và xã hội. Ngoài hình phạt chính thì bị cáo còn phải chịu hình phạt bổ sung bằng tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 194 BLHS, Hội đồng xét xử xét thấy gia đình bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, bị cáo thuộc hộ nghèo vì vậy không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

Xét tình tiết tăng nặng giảm nhẹ và nhân thân đối với bị cáo Nùng Văn D thấy: Bị cáo sinh ra và lớn lên tại xã Mường M, huyện T, tỉnh Điện Biên. Bị cáo được gia đình nuôi ăn học hết lớp 11/12 thì bỏ học ở nhà lao động sản xuất cùng gia đình. Đến năm 2005 kết hôn với chị Lò Thị K. Đến ngày 03/8/2017 có hành Tàng trữ trái phép chất ma túy và bị bắt. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 48 BLHS. Sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo; bị cáo có bố đẻ được tặng Huân chương chiến sỹ vẻ vang, Huân chương

kháng chiến hạng nhì, Huy chương kháng chiến hạng nhìn nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999. Bị cáo là người trẻ tuổi, có sức khỏe lao động nhưng bản thân lại không tu dưỡng rèn luyện để trở thành người tốt và có ích cho gia đình, xã hội mà đua đòi, không làm chủ được bản thân nên đã cùng rủ nhau đi mua ma túy sử dụng. Bởi vậy, cần có mức hình phạt nghiêm khắc để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người tốt, có ích cho gia đình và xã hội. Ngoài hình phạt chính thì bị cáo còn phải chịu hình phạt bổ sung bằng tiền theo quy định, Hội đồng xét xử xét thấy gia đình bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, thuộc diện nghèo theo quy định của Chính phủ, bị cáo nghiện ma túy vì vậy không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

Xét tình tiết tăng nặng giảm nhẹ và nhân thân đối với bị cáo Quàng Văn C thấy: Bị cáo sinh ra và lớn lên tại xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên. Bị cáo không được đi học mà chỉ ở nhà lao động sản xuất cùng gia đình. Đến ngày 03/8/2017 có hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy và bị bắt. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 48 BLHS. Sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999. Bị cáo là người trẻ tuổi, có sức khỏe lao động nhưng bản thân lại không tu dưỡng rèn luyện để trở thành người tốt và có ích cho gia đình, xã hội mà đua đòi, không làm chủ được bản thân nên đã cùng rủ nhau đi mua ma túy sử dụng. Bởi vậy, cần có mức hình phạt nghiêm khắc để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người tốt, có ích cho gia đình và xã hội. Ngoài hình phạt chính thì bị cáo còn phải chịu hình phạt bổ sung bằng tiền theo quy định, Hội đồng xét xử xét thấy gia đình bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, thuộc diện nghèo theo quy định của Chính phủ, bị cáo nghiện ma túy vì vậy không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

Xét tình tiết tăng nặng giảm nhẹ và nhân thân đối với bị cáo Lò Văn T thấy: Bị cáo sinh ra và lớn lên tại xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên. Bị cáo được gia đình nuôi ăn học hết lớp 3 thì bỏ học ở nhà lao động sản xuất cùng gia đình. Đến năm 1991 kết hôn với chị Lò Thị T, năm 2000 ly hôn. Năm 2001 kết hôn với chị Lò Thị P. Đến ngày 03/8/2017 có hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy và bị bắt. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 48 BLHS năm 1999. Sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999. Bị cáo là người trẻ tuổi, có sức khỏe lao động nhưng bản thân lại không tu dưỡng rèn luyện để trở thành người tốt và có ích cho gia đình, xã hội mà đua đòi, không làm chủ được bản thân nên đã cùng rủ nhau đi mua ma túy sử dụng. Bởi vậy, cần có mức hình phạt nghiêm khắc để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người tốt, có ích cho gia đình và xã hội. Ngoài hình phạt chính thì bị cáo còn phải chịu hình phạt bổ sung bằng tiền theo quy định, Hội đồng xét xử xét thấy gia đình bị cáo có hoàn

cảnh kinh tế khó khăn, thuộc diện nghèo theo quy định của Chính phủ, bị cáo nghiện ma túy vì vậy không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

Tại phiên tòa vị Đại diện viện kiểm sát đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo Cà Thị L 8 năm đến 8 năm 6 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, Hội đồng xét xử xét thấy là phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi của bị cáo nên cần chấp nhận. Đối với đề nghị tuyên mức hình phạt đối với bị cáo Nùng Văn D, bị cáo Quàng Văn C mỗi bị cáo từ 18 tháng đến 24 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy; tuyên mức hình phạt đối với bị cáo Lò Văn T từ 15 tháng đến 18 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy; Hội đồng xét xử xét thấy so với tính chất, mức độ của các bị cáo cần xem xét để đưa ra mức án phù hợp và cũng cần cân nhắc để các bị cáo được hưởng sự khoan hồng của Nhà nước.

Tại phiên tòa những người bào chữa cho các bị cáo Nùng Văn D, Quàng Văn C, Lò Văn T đều đề nghị Hội đồng xét xử đưa ra mức hình phạt thấp nhất cho các bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào tính chất mức độ, hành vi, vai trò của các bị cáo trong vụ án sẽ đưa ra mức hình phạt phù hợp, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và cũng cân nhắc để các bị cáo được hưởng sự khoan hồng của Nhà nước.

Đối với Đoàn Văn C đã có hành vi mua ma túy của Cà Thị L để sử dụng, do khi phát hiện C đã sử dụng hết ma túy C mua; xét thấy C là những đối tượng nghiện chất ma túy. Qua điều tra xét thấy hành vi sử dụng trái phép chất ma túy nhằm thỏa mãn nhu cầu cá nhận là hành vi vi phạm pháp luật hành chính, nên Cơ quan điều tra đã giao cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện T ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với C về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy là đúng với quy định của Pháp luật. Bởi vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với Lò Thị M là người mà Cà Thị L khai đã bán Hê rôin cho L. Ngày 31/7/2017 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tuần Giáo đã triệu tập Lò Thị M lấy lời khai đối chất giữa M và L nhưng M không thừa nhận bán ma túy cho L. Ngoài lời khai của L thì cơ quan điều tra không có chứng cứ khác để kết luận Lò Thị M bán ma túy cho L nên không có cơ sở xem xét. Bởi vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với chị Lò Thị G là người đã cho Quàng Văn C mượn xe. Nhưng khi mượn xe G không biết C dùng để đi mua ma túy, C cũng không nói cho G biết nên G không có hành vi phạm tội. Chị Lò Thị G đã nhận lại xe từ cơ quan điều tra.

Vật chứng vụ án: Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng Điều 41 BLHS và Điều 76 BLTTHS tuyên hủy 01 gói niêm phong màu trắng các mép đều được dán kín có trọng lượng: 0,3 gam chất bột màu trắng Hêrôin và 01 túi vải đen cũ không còn giá trị sử dụng.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 400.000đ là tiền bị cáo Cà Thị L đã bán ma túy cho D là 200.000đ; bán cho C là 100.000đ; bán cho T là 100.000đ, vì đây là số tiền do phạm tội mà có.

Trả lại Cà Thị L 01 điện thoại di động hiệu Zip Mobile số IMEL1: 842016181614015; IMEL2: 8420161816023 đã qua sử dụng và 150.000đ vì không liên quan đến hành vi phạm tội. Trả lại cho Nùng Văn D 200.000đ vì không liên quan đến hành vi phạm tội.

Theo quy định tại Điều 99 BLTTHS và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, các bị cáo đủ điều kiện được miễn án phí HSST.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tội danh: Tuyên bố bị cáo Cà Thị L phạm tội: Mua bán trái phép chất ma túy. Bị cáo Nùng Văn D, bị cáo Quàng Văn C, bị cáo Lò Văn T phạm tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy.

2. Hình phạt: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999; xử phạt bị cáo Cà Thị L 08 (*Tám*) năm 06 (*Sáu*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/8/2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 194; Điều 20, Điều 53; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999; khoản 3 Điều 7; điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS 2015; Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội , xử phạt bị cáo Nùng Văn D 15 (*Mười lăm*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/8/2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 194; Điều 20, Điều 53 điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999; khoản 3 Điều 7; điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS 2015; Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội , xử phạt bị cáo Quàng Văn C 15 (*Mười lăm*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/8/2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 194; Điều 20, Điều 53 điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999; khoản 3 Điều 7; điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS 2015; Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội , xử phạt bị cáo Lò Văn T 12 (*Mười hai*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/8/2017.

3. Vật chứng: Áp dụng Điều 41 BLHS, Điều 76 BLTTHS tịch thu hủy 01 gói niêm phong màu trắng các mép đều được dán kín có trọng lượng: 0,3 gam chất bột màu trắng Hêrôin và 01 túi vải đen cũ đã qua sử dụng; trả lại bị cáo Cà Thị L 01 điện thoại di động hiệu Zip Mobile số IMEL1: 842016181614015; IMEL2: 8420161816023. Đặc điểm vật chứng nói trên được ghi theo Phiếu nhập kho vật chứng số PNKVC05 ngày 19/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuần Giáo.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 400.000đ là tiền bị cáo Cà Thị L đã bán ma túy bán cho D là 200.000đ; bán cho C là 100.000đ; bán cho T là 100.000đ. Trả cho Cà Thị L 150.000đ và trả lại cho Nùng Văn D 200.000đ vì không liên quan đến hành vi phạm tội. Theo Giấy ủy nhiệm chi ngày 25/10/2017 giữa Công an huyện Tuần Giáo và Chi cục Thi hành án huyện Tuần Giáo.

4. Án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, các bị cáo Cà Thị L, Nùng Văn D, Quàng Văn C, Lò Văn T được miễn án phí HSST.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 06/12/2017).

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN CHỦ TỌA**

Nguyễn Đính Tuyên **Lò Văn Pọm** **Lương Thị Nga**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Tuần Giáo;
- Công an huyện Tuần Giáo;
- Chi cục THADS huyện Tuần Giáo;
- Sở tư pháp;
- Bị cáo;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Lương Thị Nga

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA